

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ST  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST  
Ngày 29-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Ánh Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Nguyễn Thanh Vương

2. Bà: Bùi Thị Anh Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

**Đinh Văn T**, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1983, tại xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn RT, xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 2/12;

Dân tộc: Ca Dong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đinh Văn M (M1) (chết) và bà Đinh Thị Đ;

Vợ Đinh Thị N và 01 (Một) con sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Nguyên đơn dân sự:** Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Thôn Huy Măng, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn B – Trưởng trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST; người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Minh Đ – Phó trưởng trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST theo Giấy ủy quyền số 72/GUQ-TrQLBVR ngày 21/12/2020.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ủy ban Nhân dân xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Thôn XR, xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Như T – Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã ST, huyện ST; người đại diện theo ủy quyền ông Võ Thế V – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ST theo Giấy ủy quyền số 104/UBND ngày 25/12/2020.

2. Ông Nguyễn Hoài T, sinh năm 1973; địa chỉ nơi công tác: Hạt Kiểm lâm huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Thôn TV, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

3. Anh Phan Ngọc N, sinh năm 1989; địa chỉ nơi công tác: Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Thôn HM, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Bùi Phú V - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

- **Người phiên dịch:** Bà Đinh Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn ĐT, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 02/2020, Đinh Văn T, tự ý mang theo rựa và máy cưa đến khu vực rừng phòng hộ JBIC thuộc Tiểu khu 172 ở thôn RT, xã ST, huyện ST chặt, phá cây rừng trong thời gian 3 ngày (02 ngày phát dọn thực bì, lau lách 01 ngày dùng cưa máy cưa hạ cây Keo, Dầu rái và cây gỗ tự nhiên) để lấy đất canh tác sản xuất. Ngày 17/3/2020, Hạt Kiểm lâm huyện ST thành lập tổ công tác đến hiện trường, lập biên bản kiểm tra hiện trường đối với diện tích rừng bị thiệt hại.

Tại bản kết luận giám định tư pháp số 547/CCKL-GĐTP ngày 03/8/2020, Chi cục Kiểm lâm Quảng Ngãi có kết luận: vị trí rừng bị thiệt hại thuộc lô 6a1, khoảnh 3, tiểu khu 172, thôn RT, xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi (Theo tờ Bản đồ hiện trạng rừng năm 2019 huyện ST). Tổng diện tích rừng bị chặt phá 4.425m<sup>2</sup> (Bốn nghìn bốn trăm hai mươi lăm mét vuông), chức năng quy hoạch cho lâm nghiệp: Phòng hộ đầu nguồn; chủ quản lý (Chủ rừng) Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi; Tổng số lượng cây bị xâm hại 82 cây (15 cây Keo tại tượng, 04 cây Dầu rái và 63 cây gỗ tự nhiên).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/HĐĐG, ngày 10/9/2020, Hội đồng định giá tài sản bị thiệt hại trong tổ tụng hình sự huyện ST Kết luận: Giá quyền sử dụng rừng bị thiệt hại: **45.984.282 đồng** (Bốn mươi lăm triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi hai đồng); Giá trị tài sản gỗ bị thiệt hại: **3.549.560 đồng** (Ba triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Toàn bộ diện tích rừng bị thiệt hại đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Dự án trồng rừng phòng hộ đầu nguồn JBIC theo Quyết định số 2240/QĐ-UB, ngày

12/8/2002. Ngày 14/6/2004, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 154/2004/QĐ-UBND về Phê duyệt quy hoạch phát triển lâm nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2002 – 2010. Ngày 09/8/2004 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ra quyết định số 1871/QĐ-CT về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công, dự toán trồng và chăm sóc rừng phòng hộ đầu nguồn JBIC. Ngày 13/01/2012, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 83/QĐ-UBND, giao toàn bộ diện tích rừng này cho Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham (*nay là Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện Sơn Hà*) quản lý. Ngày 26/12/2013, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) số BR 019910 (vào sổ số CT03960) cho BQL RPHĐN Thạch Nham. Ngày 15/4/2019, toàn bộ diện tích rừng này được giao lại cho BQL RPH tỉnh Quảng Ngãi và do Trạm quản lý, bảo vệ rừng huyện ST trực tiếp quản lý.

Tại cơ quan điều tra Đinh Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Sau khi hành vi phá rừng bị phát hiện, bị cáo T đã tự nguyện trồng lại rừng bằng cây gỗ sưa trên diện tích rừng bị thiệt hại. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp, sống trên địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức và am hiểu pháp luật hạn chế. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 573/CT-VKS-HS, ngày 24/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST truy tố bị cáo Đinh Văn T về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của BLHS và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Đinh Văn T về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của BLHS và căn cứ vào tính chất, nhân thân và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo T. Đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS để xử phạt bị cáo T với mức án tù từ 14 đến 16 tháng tù về tội “Hủy hoại rừng”.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu và tiêu hủy:

+ 01 (*một*) cái rựa dài 61cm, cán bằng gỗ dài 31cm, đường kính cán rựa 3cm, lưỡi bằng kim loại có mâu bị gãy dài 30cm, nơi rộng nhất của lưỡi 2,4cm.

+ 01 (*một*) cửa máy không gắn lam xích; có ghi chữ WARNING màu xanh, chiều dài 24cm, chiều rộng 12cm, chiều cao 17cm.

+ 01 (*một*) xích cửa máy bằng kim loại (chiều dài 41cm “gấp đôi”)

- Đối với vật chứng (82 cây gỗ bị chặt phá): Sau khi xác minh làm sáng tỏ vụ việc, cơ quan chức năng đã giao số vật chứng này cho Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST (đại diện chủ rừng) bảo quản và xử lý theo quy định của pháp luật. Ngày 06/10/2020 Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST có Báo cáo số 34/BC-TrQLBVR đề xuất hướng xử lý đối với số tang vật trên bằng hình thức tiêu Hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự nguyện của các bên

Đối với các cá nhân, cơ quan, tổ chức có chức năng được phân công quản lý bảo vệ rừng có vi phạm trong chức trách, nhiệm vụ được giao thì đề nghị Cơ quan cảnh sát Điều tra, Công an huyện ST thu thập tài liệu chứng cứ và xử lý sau.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Về tội danh thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, người bào chữa nêu quan điểm; bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế, mẹ bị cáo là người có công cách mạng, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục lại hậu quả bằng hình thức trồng lại cây gỗ sưa trên diện tích rừng bị thiệt hại. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS để xử phạt bị cáo T mức hình phạt tù 12 tháng tù, cho hưởng án treo, đề bị cáo được chăm sóc diện tích rừng đã khắc phục hậu quả. Đồng thời đề nghị HĐXX xét miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo T thống nhất với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa người đại diện cho Nguyên đơn dân sự ông Bùi Minh Đ thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đinh Văn T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Văn T khai nhận: Cuối tháng 02-2020 bị cáo sử dụng 01 (một) cái rựa, 01 (một) cưa máy tiến hành chặt phá trái phép 4.425m<sup>2</sup> (*Bốn nghìn bốn trăm hai mươi lăm mét vuông*) rừng Phòng hộ đầu nguồn tại lô 6a1, khoảnh 3, tiểu khu 172, thôn RT, xã ST, huyện ST; tổng số lượng cây bị xâm hại 82 cây (*15 cây Keo tai tượng, 04 cây Dầu rái và 63 cây*

*gỗ tự nhiên*); khối lượng gỗ bị thiệt hại 12,677m<sup>3</sup>. Hành vi của bị cáo T đã xâm hại đến việc quản lý bảo vệ và chăm sóc rừng phòng hộ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo Đinh Văn T

xâm phạm đến việc quản lý bảo vệ và chăm sóc rừng phòng hộ, biết hủy hoại rừng phòng hộ là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nên Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] ] *Đánh giá tính chất vụ án*: Khi thực hiện hành vi hủy hoại rừng, bị cáo T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được hành vi hủy hoại rừng phòng hộ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý, trực tiếp xâm hại đến rừng Phòng hộ, bị cáo nhận thức được mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phá rừng nhưng bị cáo bất chấp pháp luật, vẫn cố tình phá rừng phòng hộ để lấy đất sản xuất, gây tổng thiệt hại là 4.425m<sup>2</sup> (*Bốn nghìn bốn trăm hai mươi lăm mét vuông*) đất rừng phòng hộ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương, gây dư luận trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng để răn đe, giáo dục, cũng như để phòng ngừa chung, đồng thời góp phần nâng cao ý thức bảo vệ rừng trong nhân dân.

[4] *Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ*:

+*Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

+*Tình tiết giảm nhẹ*: Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đinh Văn T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo mới phạm tội lần đầu; trình độ văn hóa thấp, bị cáo là người dân tộc thiểu số, mẹ bị cáo là bệnh binh, nhận thức pháp luật hạn chế; đồng thời bị cáo đã khắc phục hậu quả bằng hình thức trồng lại cây gỗ sưa khu vực rừng bị phá. Do đó, cần xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa về các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, và xin miễn án phí cho bị cáo theo quy định.

Ngoài những tình tiết giảm nhẹ trên, bị cáo có nhân thân tốt, chỗ ở rõ ràng, lại đang là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử thấy rằng không cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo nên sẽ áp dụng điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] *Đối với nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Đối với các cá nhân, cơ quan, tổ chức có chức năng được phân công quản lý bảo vệ rừng có vi phạm trong chức trách, nhiệm vụ được giao thì Viện kiểm sát nhân dân huyện ST đề nghị Cơ quan cảnh sát Điều tra, Công an huyện ST thu thập tài liệu chứng cứ và xử lý sau là phù hợp.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Đối với việc khắc phục lại diện tích rừng bị thiệt hại bằng hình thức trồng lại rừng và 4 năm chăm sóc thì bị cáo đã trồng lại rừng và chấp nhận chăm sóc, Nguyên đơn dân sự không có yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử thấy rằng việc thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét gì thêm.

[7] *Về xử lý vật chứng*: 01 (một) cái rựa dài 61cm, cán bằng gỗ dài 31cm, đường kính cán rựa 3cm, lưỡi bằng kim loại có mấu bị gãy dài 30cm, nơi rộng nhất của lưỡi 2,4cm; 01 (một) cửa máy không gắn lam xích; có ghi chữ WARNING màu xanh, chiều dài 24cm, chiều rộng 12cm, chiều cao 17cm; 01 (một) xích cửa máy bằng kim loại (chiều dài 41cm “gấp đôi”) là công cụ bị cáo chặt phá rừng nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 82 cây, trong đó: 15 cây Keo tai tượng, 04 cây Dầu rái và 63 cây gỗ tự nhiên. Sau khi xác minh làm rõ vụ việc thì cơ quan chức năng đã giao số vật chứng này cho Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST (đại diện chủ rừng) bảo quản và xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp nên không xem xét.

[8] *Về án phí*: Bị cáo Đinh Văn T là người dân tộc thiểu số, mẹ bị cáo là bệnh binh, ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn bị cáo có đơn xin miễn án phí. Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử sẽ miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn T phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 13 (Mười ba) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 26 (Hai mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Giao bị cáo Đinh Văn T cho Ủy ban nhân dân xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi nơi bị cáo Đinh Văn T cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về dân sự: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và nguyên đơn dân sự về việc trồng và chăm sóc rừng.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu và tiêu hủy 01 (một) cái rựa dài 61cm, cán bằng gỗ dài 31cm, đường kính cán rựa 3cm, lưỡi bằng kim loại có mấu bị gãy dài 30cm, nơi rộng nhất của lưỡi 2,4cm; 01 (một) cửa máy không gắn lam xích; có ghi chữ WARNING màu xanh, chiều

dài 24cm, chiều rộng 12cm, chiều cao 17cm; 01 xích cửa máy bằng kim loại (chiều dài 41cm “gấp đôi”). Đây là công cụ bị cáo chặt phá rừng.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện ST;
- CQCSĐT Công an huyện ST;
- Cơ quan THAHS huyện ST;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Q.Ngãi;
- UBND xã ST;
- Chi cục THADS huyện ST;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Lâm Thị Ánh Tuyết**